

Bản án số: 30/2017/HC-ST

Ngày 24/8/2017

V/v: “*Khiếu kiện hành vi hành
chính về quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Bá Cảnh

2. Ông Võ Quang Tuyên

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thê - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2017/TLST-HC ngày 15 tháng 3 năm 2017 về việc: “*Khiếu kiện hành vi hành chính về quản lý đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2017/QĐXXST-HC ngày 14/7/2017 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị H2; cùng địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. (Đều vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị H2 là: Ông Mai Văn T; địa chỉ: Đường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Đường P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện C: Ông Lê Đình C – Phó chủ tịch. (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn C – Phó chủ tịch. (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Trần Hữu T; địa chỉ: Tổ dân phố P, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông. (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).
- Ông Bùi Hoàng L; địa chỉ: Tổ dân phố K, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ngày 08/12/2003 bà Phạm Thị H1 và Phạm Thị H2 có nhận chuyển nhượng của ông Trần Hữu T một lô đất có tứ cận: Bắc giáp quốc lộ 26 rộng 11,3 m; Nam giáp nhà ông Nguyễn Xuân Q rộng 9,7m; Đông giáp đất nhà ông Bùi Hoàng L dài 46m; Tây giáp nhà ông H3 và ông L1 dài 46m. Ông Bùi Hoàng L có nhà liền kề cho rằng trước đây ông T đã lấn chiếm đất nên đã gửi đơn khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền yêu cầu bà H1 bà H2 phải trả lại phần đất bị lấn. Ngày 11/12/2009 UBND huyện C ban hành Quyết định số 1331/QĐ-UBND, giải quyết không chấp nhận khiếu nại của ông L. Sau đó ông L tiếp tục khiếu nại lên UBND tỉnh Đắk Lắk. Ngày 26/9/2010 Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk tiếp tục ban hành Quyết định số 2369/QĐ-UBND kết luận ông L cho rằng ông T lấn chiếm đất là không có cơ sở và công nhận ranh giới hiện trạng sử dụng đất giữa ông L và ông T mà ông T đã chuyển nhượng lại cho bà H1, bà H2. Tuy nhiên ngày 05/4/2012 UBND tỉnh Đắk Lắk lại tiếp tục ban hành Quyết định số 742/QĐ-UBND, công nhận lô đất ông T sang nhượng cho bà H1, bà H2 chỉ còn chiều rộng giáp quốc lộ 26 là 7,65m, chiều rộng phía sau là 8m.

Sau đó bà H1, bà H2 khởi kiện tới TAND tỉnh Đắk Lắk yêu cầu hủy Quyết định số 742/QĐ-UBND; bản án sơ thẩm số 14/2012/HC-ST ngày 21 và 24 tháng 12 năm 2012 của TAND tỉnh Đắk Lắk đã tuyên bác yêu cầu khởi kiện của bà H1, bà H2.

Bà H1, bà H2 kháng cáo bản án sơ thẩm số 14/2012/HC-ST ngày 21 và 24 tháng 12 năm 2012 của TAND tỉnh Đắk Lắk. Ngày 21/5/2013 Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng đã ban hành bản án số 22/2013/HC-PT, tuyên xử hủy bỏ quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 05/4/2012 đã được sửa đổi bổ sung tại quyết định số 2298/QĐ-UBND ngày 08/10/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk.

Nhận thấy thuộc trường hợp được cấp GCNQSDĐ theo bản án số 22/2013/HC-PT và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2369/QĐ-UBND. Tuy nhiên sau khi làm đầy đủ thủ tục để xin cấp GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật. Ngày 25/6/2015 UBND huyện C có văn bản trả lời lý do dừng cấp sổ đỏ là có Quyết định 1185/QĐ-UBND ngày 19/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về thành lập tổ liên ngành xem xét đơn khiếu nại của ông Bùi Hoàng L do

không đồng ý với bản án hành chính phúc thẩm số 22/2013/HC-PT của Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng.

Việc UBND huyện C không cấp GCNQSDĐ cho bà H1, bà H2 khi không có quyết định hoãn thi hành án hoặc quyết định tạm đình chỉ thi hành án là không đúng quy định pháp luật.

Do đó bà H1, bà H2 yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk hủy quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 19/5/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk và buộc UBND huyện C cấp GCNQSDĐ cho bà H1, bà H2 theo quy định.

Tại bản tự khai ngày 17/3/2017 người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Sau khi Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng đã ban hành bản án số 22/2013/HC-PT ngày 21/5/2013. Ông Bùi Hoàng L không đồng ý với kết quả giải quyết của Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng nên có đơn khiếu nại đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk xem xét hủy bỏ Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 16/9/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Ngày 21/11/2013 UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành báo cáo số 275/BC-UBND gửi lên tổng thanh tra chính phủ để xin ý kiến chỉ đạo giải quyết vụ tranh chấp đất đai của ông L. Ngày 29/01/2016, Tổ công tác theo Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 19/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh có Báo cáo kết quả rà soát vụ tranh chấp đất đai của ông L. Theo đó tổ công tác kiến nghị giữ nguyên Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 16/9/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Trường hợp ông L không đồng ý thì hướng dẫn ông L khởi kiện tại Tòa án. Ngày 26/5/2016, UBND tỉnh có Công văn số 4066/UBND-NC về việc triển khai Kết luận số 299/KL-TTCTP ngày 26/02/2016 của Thanh tra chính phủ, theo đó giao văn phòng UBND tỉnh kiểm tra, rà soát tham mưu UBND tỉnh giải quyết dứt điểm vụ việc khiếu nại của ông L.

Căn cứ điểm a, Điều 99 Luật đất đai 2013 thì trường hợp người sử dụng đất được cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật đất đai 2013 quy định về cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất. Căn cứ khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai quy định cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất và không vi phạm luật đất đai.

Từ những căn cứ trên, UBND huyện nhận thấy việc bà H1, bà H2 buộc UBND huyện C cấp GCNQSDĐ cho gia đình hai bà là không có cơ sở. UBND huyện không chấp nhận giải quyết theo yêu cầu vì đất đang có tranh chấp.

Sau khi vụ việc trên được Tòa án giải quyết, UBND huyện C sẽ thực hiện các nội dung của bản án mà Tòa tuyên.

Tại bản tự khai ngày 14/6/2017, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Hoàng L trình bày:

Sau khi Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng đã ban hành bản án số 22/2013/HC-PT ngày 21/5/2013 với nội dung hủy bỏ quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 05/4/2012 đã được sửa đổi bổ sung tại quyết định số 2298/QĐ-UBND ngày 08/10/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk. Bản án này đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của gia đình ông. Nên ông L đã có đơn khiếu nại gửi lên UBND tỉnh Đắk Lắk đề nghị xem xét. Ngày 21/11/2013 UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành báo cáo số 275/BC-UBND gửi lên Tổng Thanh tra chính phủ đề xin ý kiến chỉ đạo giải quyết vụ tranh chấp đất đai của ông L. Ngày 04/8/2014 Thanh tra chính phủ có công văn số 1801/TTCP-CII về việc trả lời UBND tỉnh Đắk Lắk đối với khiếu nại của ông L như sau: “Qua rà soát vụ việc tranh chấp đất đai giữa ông L và ông T phát hiện có tình tiết mới làm thay đổi bản chất nội dung của Quyết định 2369/QĐ-UBND ngày 26/9/2010 của chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk, nên chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk phải chỉ đạo, kiểm tra xác minh, giải quyết lại theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, đúng quy định pháp luật”.

Tại văn bản nêu ý kiến ngày 12/6/2017 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Hữu T trình bày:

Việc bà H1, bà H2 kiện UBND huyện C không liên quan tới ông, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đưa Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền không tham gia tố tụng và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị H2 về việc yêu cầu UBND huyện C thực hiện hành vi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai bà là có cơ sở nên cần chấp nhận. Xét yêu cầu của bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị H2 về việc yêu cầu Tòa án kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk hủy Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 19/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 193 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị

H1, bà Phạm Thị H2 về yêu cầu UBND huyện C thực hiện hành vi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai bà theo quy định của pháp luật. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị H2 về việc yêu cầu Tòa án kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk hủy Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 19/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk. Buộc UBND huyện C thực hiện hành vi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai bà theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Ngày 08/12/2003 bà Phạm Thị H1 và Phạm Thị H2 có nhận chuyển nhượng của ông Trần Hữu T một lô đất có tứ cận: Bắc giáp quốc lộ 26 rộng 11,3 m; Nam giáp nhà Nguyễn Xuân Q rộng 9,7m; Đông giáp đất nhà ông Bùi Hoàng L dài 46m; Tây giáp nhà ông H3 và ông L1 dài 46m. Sau khi chuyển nhượng, ông Bùi Hoàng L có nhà liền kề cho rằng trước đây ông T đã lấn chiếm đất nên đã gửi đơn khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền yêu cầu bà H1 bà H2 phải trả lại phần đất bị lấn.

Ngày 11/12/2009 UBND huyện C ban hành Quyết định số 1331/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 1331), giải quyết không chấp nhận khiếu nại của ông L. Ông L tiếp tục khiếu nại và tại Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 26/9/2010 Chủ tịch UBND của tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là Quyết định 2369), đã giải quyết khiếu nại của ông L và không chấp nhận khiếu nại của ông L, giữ nguyên nội dung quyết định số 1331. Ông L tiếp tục khiếu nại và Chủ tịch UBND của tỉnh Đắk Lắk đã ban hành quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 05/4/2012 (sau đây gọi tắt là Quyết định 742), chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của ông L, điều chỉnh bổ sung thêm diện tích cho hộ ông Bùi Hoàng L. Ngày 08/10/2012 chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2298/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 2298) sửa đổi bổ sung một số Điều của Quyết định 742 nhưng diện tích đất bổ sung không có gì thay đổi.

Do quyết định số 742 và số 2298 ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà H1 và bà H2 nên hai bà đã khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án hủy hai quyết định trên. Tại bản án hành chính phúc thẩm số 22/2013/HC-PT ngày 21/5/2013 Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng đã tuyên hủy quyết định số 742 và quyết định 2298 nói trên.

Sau khi bản án phúc thẩm có hiệu lực bà H1 và bà H2 đã làm thủ tục yêu cầu UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) cho hai bà theo quy định nhưng đến nay UBND huyện C vẫn không

làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho hai bà nên hai bà khởi kiện hành vi trên của UBND huyện C.

Hành vi không cấp GCNQSDĐ của Ủy ban nhân dân huyện C là hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng một vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính.

Hành vi không cấp GCNQSDĐ của Ủy ban nhân dân huyện C ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H1 và bà H2.

Ngày 25/6/2015, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành công văn số 405/CV-UBND trả lời bà H1 và bà H2 về việc không cấp GCNQSDĐ cho hai bà. Ngày 24/6/2016 bà H1, bà H2 cùng khởi kiện vụ án hành chính là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Vậy Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

Bà Phạm Thị H1 và bà Phạm Thị H2 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện C thực hiện việc cấp GCNQSDĐ cho hai bà và yêu cầu Tòa án kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk hủy Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 19/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1185).

[2.1] Xét nội dung yêu cầu Bà Phạm Thị H1 và bà Phạm Thị H2 buộc UBND huyện C thực hiện việc cấp GCNQSDĐ cho hai bà, Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy:

Tại thời điểm bà Phạm Thị H1 và bà Phạm Thị H2 nhận chuyển nhượng diện tích đất của ông Trần Hữu T ngày 08/12/2003, diện tích đất trên không có tranh chấp. Trước đây và hiện nay các bên đều cho rằng việc chuyển nhượng đã xong và hợp pháp nên không có ý kiến ý gì.

Sau khi nhận chuyển nhượng mới phát sinh tranh chấp với ông Bùi Hoàng L. Ngày 12/9/2008, ông Bùi Hoàng L gửi đơn lên UBND huyện C đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai. Ngày 11/12/2009 UBND huyện C ban hành quyết định số 1331 với nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại của ông L và công nhận ranh giới hiện trạng giữa ông Bùi Hoàng L và ông Trần Hữu T, đã sang nhượng cho bà H1 và bà H2. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại trên nên ông đã khiếu nại đến UBND tỉnh Đắk Lắk. Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành quyết định số 2369 với nội dung giữ nguyên quyết định số 1331 của UBND huyện C.

Như vậy, theo quy định tại khoản 5 Điều 32 Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998, sửa đổi bổ sung năm 2004, 2005 thì quyết định số 2369 là quyết định giải quyết khiếu nại lần 2, có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, sau đó do ông L tiếp tục khiếu nại nên Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành quyết định số 742 và quyết định số 2298 thay thế Quyết định số 2369. Tại bản án hành chính phúc thẩm số 22/2013/HC-PT ngày 21/5/2013 Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà

Năng đã tuyên hủy quyết định số 742 và quyết định 2298 nói trên. Sau khi xét xử phúc thẩm, ông L không khiếu nại bản án trên theo thủ tục giám đốc thẩm hay tái thẩm. Do vậy, sau khi bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, phần diện tích đất trên không có tranh chấp. Việc UBND huyện C cho rằng phần diện tích đất mà bà H1, bà H2 nhận chuyển nhượng từ ông T là đang tranh chấp và từ chối làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho hai bà là không đúng.

Như vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Đất đai, hành vi không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị H2 của Ủy ban nhân dân huyện C là trái pháp luật.

[2.2] Xét nội dung khởi kiện của bà H1, bà H2 đề nghị Tòa án kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk hủy Quyết định số 1185, Hội đồng xét xử xét thấy:

Sau khi bản án hành chính phúc thẩm số 22/2013/HC-PT ngày 21/5/2013 Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng có hiệu lực pháp luật, ông Bùi Hoàng L và Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk là đương sự trong vụ án, nếu không đồng ý với kết quả xét xử phúc thẩm trên, có quyền làm đơn đề nghị xem xét bản án phúc thẩm trên theo trình tự giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. Nhưng ông L lại tiếp tục khiếu nại đến UBND tỉnh Đắk Lắk và UBND tỉnh Đắk Lắk lại thụ lý và giải quyết nội dung tranh chấp đã được giải quyết là không đúng. Tuy nhiên, việc Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1185 về việc thành lập Tổ công tác liên ngành căn cứ theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính thì quyết định 1185 là quyết định hành chính mang tính nội bộ của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Quyết định 1185 không làm thay đổi, phát sinh nhiệm vụ và quyền hạn của UBND huyện C trong lĩnh vực quản lý đất đai. Do vậy, yêu cầu của bà H1, bà H2 là không có cơ sở nên Tòa án không chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị H2 nên Ủy ban nhân dân huyện C phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm c khoản 2 Điều 193, Điều 194 và khoản 1 Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Đất đai;

Căn cứ khoản 5 Điều 32 Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998, sửa đổi bổ sung năm 2004, 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị H2, tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện C là trái pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị H2 về việc kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk hủy Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 19/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện C phải thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị H2 theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện C phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm.

Bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị H2 được nhận lại 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2014/0042943 ngày 09/3/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án Hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bằng